

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2023/DS-PT

Ngày 18/12/2023

V/v tranh chấp đòi lại tài sản; thực
hiện nghĩa vụ về tài sản do người
chết để lại; hợp đồng chuyển đổi,
cầm cố quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga;

Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An, Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Sơn Cuol, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân
tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2023/TLPT-
DS ngày 19 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp đòi lại tài sản; thực hiện nghĩa
vụ về tài sản do người chết để lại; hợp đồng chuyển đổi, cầm cố quyền sử dụng
đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023
của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 246/2023/QĐ-PT
ngày 30 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Quách Thị L;

Địa chỉ: Ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Kim Điền Ph; địa chỉ: Ấp
Ch, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của
nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 27/10/2023). (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Quách Thanh V;

2. Bà Quách Ngọc D;

Cùng địa chỉ: Ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (đều vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn: Ông Nguyễn Văn N; địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 23/8/2023). (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Quách L1;

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông Quách Xiều Ng;

Địa chỉ: Ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Băng Tr;

Địa chỉ: Ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Ông Quách H (Quách Văn H);

Địa chỉ: Ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Bà Quách Thị M;

Địa chỉ: Ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

6. Ông Quách Đ;

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

7. Ngân hàng N;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, L, phường T, quận B, Tp. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N: Ông Trần Thanh H1, Trưởng phòng Kế hoạch Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N (văn bản ủy quyền ngày 06/4/2023). (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Quách Thanh V và bà Quách Ngọc D - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05 tháng 4 năm 2022 của nguyên đơn bà Quách Thị L và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Vào đầu năm 2017, vợ chồng ông Quách Văn B và bà Lâm Thị G có nợ tiền mua lúa của bà L 95.761.000 đồng, nhưng đến tháng 10/2017 âm lịch (nhằm tháng 11/2017 dương lịch) ông B mất và đến tháng 01/2018 âm lịch (nhằm tháng 3/2018 dương lịch) thì bà G cũng mất, do đó bà L yêu cầu con của ông B, bà G là Quách Thanh V, Quách Ngọc D có trách nhiệm trả số tiền mà ông B, bà G nợ. Ngày 25/3/2019, hòa giải tại Tòa án, ông V và bà D đồng ý làm thủ tục tách quyền sử dụng đất của ông B và bà G cho bà L với diện tích 05 công tầm cây, tọa lạc tại ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để trừ số tiền nợ nêu trên; đồng thời bà L có trách nhiệm giao thêm cho ông V và bà D số tiền

270.000.000 đồng để trả tiền vay tại Ngân hàng, chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà L. Việc thỏa thuận này lập biên bản, ông V và bà D đồng ý ký tên, cam kết đến tháng 4/2019 sẽ làm thủ tục, tuy nhiên sau khi nhận đủ 270.000.000 đồng trả Ngân hàng thì ông V, bà D không làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà L như đã thỏa thuận.

Trước đó, vào ngày 06/04/2016, ông B thỏa thuận bán cho ông T 10 tấn lúa và đã nhận đủ tiền là 85.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận ông T gửi lại lúa khi nào cần sẽ lấy. Đến ngày 20/10/2017, ông T tiếp tục mua lúa của ông B với số lượng là 01 tấn lúa, hai bên thỏa thuận là ông T sẽ gửi cho ông B giữ, tổng số tiền của hai lần mua lúa là 104.500.000 đồng. Sau đó, ông T có đến nhà để yêu cầu ông B giao lúa nhưng do ông B bệnh nặng, không có lúa giao và chưa có khả năng trả tiền, bà L đứng ra nhận nợ và hẹn đến ngày 30/01/2018 sẽ trả hết số nợ. Tại bản án số 29/2018/DS-ST ngày 09/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, buộc bà L có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 104.500.000 đồng, bà L yêu cầu các con ông B và bà G trả lại tiền nhưng họ không trả.

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Công nhận quyền sử dụng đất thửa số 131, diện tích 5.252,8m², tờ bản đồ số 68 do được cha, mẹ cho và công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông B đối với diện tích đất 4.098m², thuộc thửa số 136, tờ bản đồ số 06, cùng tọa lạc ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Buộc ông V và bà D phải trả số tiền mà ông B và bà G nợ là 470.261.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông V và bà D có nghĩa vụ trả số tiền nợ, cùng tiền mà bà L đã thực hiện thay cho ông B và bà G tổng cộng là 470.261.000 đồng; công nhận cho bà L quyền sử dụng đất thửa số 131 theo diện tích thực đo là 4.384,1m². Đối với yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 136 theo diện tích thực đo 4.079,6m² thì thay đổi thành yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông B tại thửa số 136 theo diện tích thực đo 4.079,6m² với bà L tại thửa đất số 206, diện tích 2.725,3m², tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, tuy nhiên do quyền sử dụng đất thửa số 206 của bà L đang thế chấp cho Ngân hàng nên xin rút lại yêu cầu khởi kiện này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Quách Thanh V trình bày:

Trong 03 khoản nợ mà bà L yêu cầu, ông đồng ý trả 02 khoản là 95.761.000 đồng và 270.000.000 đồng, riêng số tiền 104.500.000 đồng thì ông không đồng ý, do số tiền này của cha ông vay giao cho người chú là ông Quách Đ chứ gia đình không sử dụng. Đối với phần đất 4.384,1m², thửa số 131 của ông H, nếu ông H đồng ý giao cho bà L thì ông thống nhất công nhận cho bà L. Đối với quyền sử dụng đất thửa số 136, diện tích 4.079,6m² của cha ông giao cho bà L là trao đổi do gia đình ông có nhận lại thửa đất số 206 của bà L, nếu bà L yêu cầu thì ông đồng ý chuyển đổi nhưng phải căn cứ trên giá trị đất để tính, trường

hợp quyền sử dụng đất của gia đình ông nhiều hơn thì yêu cầu nhận lại phần chênh lệch bằng đất. Tại tòa phiên tòa sơ thẩm, bà L rút yêu cầu đối với phần chuyển đổi đất này thì ông đồng ý. Về phần đất cổ là do mẹ ông có, ông có nhận tiền tương ứng 58 chỉ vàng 24K nhưng tiền này gia đình trả nợ của cha mẹ, ông đồng ý thanh toán trong phạm vi tài sản của cha, mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Ngọc D trình bày:

Trong 03 khoản nợ mà bà L yêu cầu, bà đồng ý trả 02 khoản là 95.761.000 đồng và 270.000.000 đồng, riêng số tiền 104.500.000 đồng thì không đồng ý do số tiền này của cha bà vay giao cho ông Quách Đ nên mẹ không nhận nợ thì bà cũng không nhận. Đối với quyền sử dụng đất thửa số 131 của cha là 05 công, phần còn lại của chú H nên bà không tranh chấp phần đất ông H sử dụng và đồng ý công nhận cho bà L nếu ông H đồng ý. Đối với quyền sử dụng đất thửa số 136, bà biết bà L sử dụng nhưng do đâu sử dụng thì không rõ, ngược lại gia đình bà cũng sử dụng thửa đất của bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có thể người lớn đã thỏa thuận trao đổi đất. Do việc trao đổi đất không có giấy tờ, bà đồng ý chuyển đổi đất nhưng phải tính trên giá trị tài sản và nếu có chênh lệch thì yêu cầu nhận lại phần chênh lệch bằng diện tích đất tương ứng tại thửa số 136, tuy nhiên tại tòa bà L rút yêu cầu đối với phần này thì bà cũng đồng ý. Ngoài ra gia đình bà có có 05 công đất, gồm thửa 02 công của bà L đứng tên giấy chứng nhận và 03 công của cha cho ông L1, ông Ng với giá 58 chỉ vàng 24K vào năm 2018, bà đồng ý yêu cầu của ông Ng thanh toán vàng có đất bằng tài sản của cha mẹ để lại.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 03 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Xiêu Ng trình bày:

Bà Lâm Thị G và con là Quách Thanh V có cầm cố cho cha con ông phần đất 05 công, tọa lạc ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, giá có là 58 chỉ vàng 24K, thời gian từ ngày 06/3/2018 đến ngày 06/3/2023 và đã giao nhận đủ vàng có. Ông yêu cầu ông V và bà D trả đủ 58 chỉ vàng 24K cho ông và cha là ông Quách L1, ông đồng ý nhận bằng tiền tương đương và giao trả đất có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N là ông Trần Thanh H1 trình bày:

Quyền sử dụng đất thửa số 206, tờ bản đồ 06, tọa lạc ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng của bà L thế chấp đảm bảo tiền vay tại Ngân hàng. Nếu các bên thực hiện chuyển đổi quyền sử dụng đất thì yêu cầu thanh toán tiền vay, Ngân hàng hoàn trả giấy chứng nhận để các bên thực hiện chuyển đổi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Văn H trình bày:

Ông là người sử dụng phần đất bà L yêu cầu tại thửa số 131, đất này của mẹ chia cho bà L, còn ông được chia và đứng tên quyền sử dụng đất khác, việc

sử dụng đất do trao đổi với bà L nên ông đồng ý công nhận cho bà L diện tích 4.384,1m² tại thửa đất số 131, tờ bản đồ 06, tọa lạc ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị M trình bày:

Bà thống nhất với các ý kiến và yêu cầu của chị L, không có yêu cầu đòi với tài sản các bên tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Đ trình bày:

Ông và bà L là chị em ruột, quyền sử dụng đất thửa số 131 của cha mẹ chia cho bà L một phần nên ông đồng ý công nhận quyền sử dụng đất cho bà L theo yêu cầu, ông không tranh chấp và không yêu cầu chia phần đất này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách L1 trình bày:

Ông có nhận cổ đất của ông B 05 công gồm 02 thửa đất, giá cổ 58 chỉ vàng 24K, trường hợp xử lý hợp đồng cầm cổ đất ông yêu cầu các con ông B trả 58 chỉ vàng 24K.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Băng Tr trình bày:

Bà đồng ý với trình bày và yêu cầu của chồng là ông Ng về số vàng cổ đất.

Tại Bản án số 50/2023/DS-ST ngày 11/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 2, 3, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 1, 2, 4 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 123, Điều 131, Điều 166, Điều 615, Điều 616, Điều 617, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2, 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị L.

Buộc ông Quách Văn B và bà Lâm Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Quách Thị L số tiền 470.261.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu hai trăm sáu mươi mốt nghìn đồng). Buộc người thừa kế của ông Quách Văn B và bà Lâm Thị G là các bị đơn ông Quách Thanh V và bà Quách Ngọc D có trách nhiệm thực hiện nghĩa tài sản của ông Quách Văn B và bà Lâm Thị G trong phạm vi di sản do người chết để lại.

Công nhận cho bà Quách Thị L được nhận quyền sử dụng đất thửa số 131, diện tích 4.384,1m², tờ bản đồ số 68, tọa lạc ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 319638 của UBND huyện T cấp cho bà Lâm Thị G ngày 05/01/2018. Đất có tứ cận: Hướng đông

giáp thửa đất số 108, có số đo 37,31m; Hướng tây giáp thửa đất số 130, có số đo 21,15m + 12,92m; Hướng nam giáp thửa đất số 143 và 144, có số đo 23,57m + 79,60m + 19,86m; Hướng bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 131, có số đo 120,88m.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị L về công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa bà Quách Thị L và ông Quách Văn B đối với thửa số 136 theo diện tích thực đo 4.079,6m² và thửa đất số 206, diện tích 2.725,3m², tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Quách Xiều Ng.

Buộc bà Lâm Thị G có nghĩa vụ trả cho ông Quách Xiều Ng, ông Quách L1 số tiền 327.410.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm mười nghìn đồng). Buộc người thừa kế của bà Lâm Thị G là các bị đơn anh Quách Thanh V và chị Quách Ngọc D có trách nhiệm thực hiện nghĩa tài sản của bà Lâm Thị G trong phạm vi di sản do người chết để lại.

Buộc ông Quách L1, ông Quách Xiều Ng và bà Nguyễn Thị Băng Tr giao trả cho người thừa kế của ông Quách Văn B và bà Lâm Thị G là ông Quách Thanh V, bà Quách Ngọc D quyền sử dụng đất thửa số 169, diện tích 4.318,4m², tờ bản đồ số 68, tọa lạc ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 319682 của UBND huyện T cấp cho bà Lâm Thị G ngày 11/01/2018. Đất có tứ cận: Hướng đông giáp thửa đất số 168 và 245, có số đo 25,44m + 3,69m + 4,99m + 5,92m + 2,47m; Hướng tây giáp đất ông Quách L1 đang quản lý, sử dụng (đường nước), có số đo 39,96m + 11,76m; Hướng nam giáp thửa đất số 206 và 188, có số đo 37,41m + 42,63m + 7,13m; Hướng bắc giáp thửa đất số 163, có số đo 13,94m + 66,85m + 8,48m.

Buộc ông Quách L1, ông Quách Xiều Ng và bà Nguyễn Thị Băng Tr giao trả cho người thừa kế của ông Quách Văn B và bà Lâm Thị G là ông Quách Thanh V, bà Quách Ngọc D và bà Quách Thị L quyền sử dụng đất thửa số 206, diện tích 2.725,3m², tờ bản đồ số 06, tọa lạc ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 294352 của UBND huyện T cấp cho hộ Quách Thị L ngày 05/02/2007. Đất có tứ cận: Hướng đông giáp đất thửa số 188, 189 có số đo 73,71m; Hướng tây giáp đất ông Quách L1 đang quản lý, sử dụng (đường nước) có số đo 50,19m + 23,57m; Hướng nam giáp đất thửa số 188, có số đo 37,13m; Hướng bắc giáp đất thửa số 169, có số đo 37,41m.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

5. Bà Quách Thị L có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định. Ông Quách Thanh V và bà Quách Ngọc D có trách nhiệm giao bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 319638 của UBND huyện T cấp cho bà Lâm Thị G ngày 05/01/2018 cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục.

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/8/2023, ông V và bà D cùng có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với 02 khoản tiền là 95.761.000 đồng và 270.000.000 đồng, không chấp nhận đối với khoản tiền 104.500.000 đồng mà bà L đứng ra trả giúp cha ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của bà L không rút đơn khởi kiện; người đại diện hợp pháp của ông V và bà D cũng không rút kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông V và bà D là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của hai người này, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách L1, ông Quách Xiêu Ng, bà Nguyễn Thị Băng Tr, ông Quách H, bà Quách Thị M và ông Quách Đ: Những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Quách Thanh V và bà Quách Ngọc D đảm bảo về hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông V và bà D, về việc không chấp nhận đối với khoản tiền 104.500.000 đồng mà bà L đứng ra trả giúp cho cha của các ông, bà là ông Quách Văn B (đã chết), Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tại Bản án số 29/2018/DS-ST ngày 09/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị đã

thể hiện vào ngày 06/4/2016, ông Quách Văn T có mua của ông B 10 tấn lúa Tài Nguyên với giá 8.500 đồng/kg với số tiền là 85.000.000 đồng, ông T gửi lúa lại cho ông B, khi nào cần thì ông T cắt lúa theo thời điểm để nhận tiền; đến ngày 20/10/2017, ông T mua thêm 01 tấn lúa của ông B với giá 7.500 đồng/kg, vẫn thỏa thuận gửi lúa cho ông B giữ; sau đó ông B bị bệnh, bà L (là chị ruột ông B) đứng ra nhận trả 11 tấn lúa mà ông T gửi cho ông B, thống nhất cắt giá lúa là 9.500 đồng/kg, hẹn đến ngày 30/01/2018 trả đủ, tuy nhiên sau khi ông B chết, bà L không thực hiện như đã cam kết nên ông T kiện bà L yêu cầu trả số tiền lúa 11 tấn, thành tiền là 104.500.000 đồng và tại bản án nêu trên Tòa án đã buộc bà L trả cho ông T số tiền 104.500.000 đồng.

[4] Theo giấy xác nhận kết quả thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (bút lục 14) thì bà L đã thi hành án trả cho ông T xong số tiền 104.000.000 đồng. Như vậy, bà L đã thay ông B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông T. Nay ông B đã chết, bà L yêu cầu những người thừa kế của ông B là ông V, bà D trả cho bà số tiền này và Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Ông V và bà D kháng cáo cho rằng khoản tiền này cha của các ông, bà vay cho ông Quách Đ thì ông Đ phải có trách nhiệm trả, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc chấp nhận.

[6] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông V và bà D, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm”*. Như vậy, ông V và bà D là người kháng cáo không được Tòa án chấp nhận và ông, bà cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm nên mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Quách Thanh V và bà Quách Ngọc D.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 2, 3, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 1, 2, 4 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 123, Điều 131, Điều 166, Điều 615, Điều 616, Điều 617, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2, 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị L.*

Buộc ông Quách Văn B và bà Lâm Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Quách Thị L số tiền 470.261.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng). Buộc người thừa kế của ông Quách Văn B và bà Lâm Thị G là ông Quách Thanh V và bà Quách Ngọc D có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông Quách Văn B và bà Lâm Thị G trong phạm vi di sản do người chết để lại.

Công nhận cho bà Quách Thị L được nhận quyền sử dụng đất thửa số 131, diện tích 4.384,1m², tờ bản đồ số 68, tọa lạc ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 319638 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Lâm Thị G ngày 05 tháng 01 năm 2018. Đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất số 108, có số đo 37,31m;*
- Hướng Tây giáp thửa đất số 130, có số đo 21,15m + 12,92m;*
- Hướng Nam giáp thửa đất số 143 và 144, có số đo 23,57m + 79,60m + 19,86m;*
- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 131, có số đo 120,88m.*

1.2. *Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị L, về công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa bà Quách Thị L và ông Quách Văn B đối với thửa số 136, theo diện tích thực đo 4.079,6m² và thửa đất số 206, diện tích 2.725,3m², tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.*

1.3. *Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Quách Xiêu Ng.*

Buộc bà Lâm Thị G có nghĩa vụ trả cho ông Quách Xiêu Ng, ông Quách L1 số tiền 327.410.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm mười nghìn đồng). Buộc người thừa kế của bà Lâm Thị G là ông Quách Thanh V và bà

Quách Ngọc D có trách nhiệm thực hiện nghĩa về tài sản của bà Lâm Thị G trong phạm vi di sản do người chết để lại.

Buộc ông Quách L1, ông Quách Xiêu Ng và bà Nguyễn Thị Băng Tr giao trả cho người thừa kế của ông Quách Văn B và bà Lâm Thị G là ông Quách Thanh V, bà Quách Ngọc D quyền sử dụng đất thửa số 169, diện tích 4.318,4m², tờ bản đồ số 68, tọa lạc ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 319682 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Lâm Thị G ngày 11 tháng 01 năm 2018. Đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất số 168 và 245, có số đo 25,44m + 3,69m + 4,99m + 5,92m + 2,47m;

- Hướng Tây giáp đất ông Quách L1 đang quản lý, sử dụng (đường nước), có số đo 39,96m + 11,76m;

- Hướng Nam giáp thửa đất số 206 và 188, có số đo 37,41m + 42,63m + 7,13m;

- Hướng Bắc giáp thửa đất số 163, có số đo 13,94m + 66,85m + 8,48m.

Buộc ông Quách L1, ông Quách Xiêu Ng và bà Nguyễn Thị Băng Tr giao trả cho người thừa kế của ông Quách Văn B và bà Lâm Thị G (là ông Quách Thanh V, bà Quách Ngọc D) và bà Quách Thị L quyền sử dụng đất thửa số 206, diện tích 2.725,3m², tờ bản đồ số 06, tọa lạc ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 294352 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ Quách Thị L ngày 05 tháng 02 năm 2007. Đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất thửa số 188, 189 có số đo 73,71m;

- Hướng Tây giáp đất ông Quách L1 đang quản lý, sử dụng (đường nước) có số đo 50,19m + 23,57m;

- Hướng Nam giáp đất thửa số 188, có số đo 37,13m;

- Hướng Bắc giáp đất thửa số 169, có số đo 37,41m.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T).

1.4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

1.5. Bà Quách Thị L có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định. Ông Quách Thanh V và bà Quách Ngọc D có trách nhiệm giao bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 319638 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Lâm Thị G ngày 05 tháng 01 năm 2018 cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục.

1.6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá:

- Ông Quách Thanh V và bà Quách Ngọc D phải chịu là 13.698.377 đồng (Mười ba triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng) trong phạm vi di sản do người chết (ông Quách Văn B và bà Lâm Thị G) để lại. Số tiền ông Quách Thanh V và bà Quách Ngọc D nộp được hoàn trả cho ông Quách Xiều Ng là 12.698.377 đồng (Mười hai triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng) và bà Quách Thị L là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- Bà Quách Thị L phải chịu là 18.069.205 đồng (Mười tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm lẻ năm đồng) và bà đã nộp xong.

1.7. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Quách Thị L được miễn.

- Ông Quách Thanh V và bà Quách Ngọc D liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản của người chết (ông Quách Văn B và bà Lâm Thị G) để lại là 36.206.840 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm lẻ sáu nghìn tám trăm bốn mươi đồng) trong phạm vi di sản do người chết để lại.

- Ông Quách Xiều Ng không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001178 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Quách Thanh V phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008232 ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, ông đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Quách Ngọc D phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008233 ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, bà đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Thạnh Trị;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Lâm